

Bản án số: 440/2022/HS-PT

Ngày: 28-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân

2. Ông Vũ Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 301/2022/HSPT ngày 21 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Trần Quý H và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo: Trần Quý H, Nguyễn Thanh T, Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Đình H2 và Lê Ngọc N1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 109/2022/HSST ngày 09-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Quý H; giới tính: nam; sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 2/10 ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 2 ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quý T2 (chết) và bà Nguyễn Thị N2 (chết); bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thanh T; giới tính: nam; sinh năm 1988 tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: A L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 40/6 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hùng D (chết) và bà Nguyễn Thị Thúy N3; bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Vĩnh P; giới tính: nam; sinh năm 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 134/4, Khu phố B, Tổ B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 26/12 TTN A, Khu phố A, Tổ H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N4 (chết) và bà Đỗ Thị X (chết); bị cáo có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, đến ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Lê Tiến H1; giới tính: nam; sinh năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 27/2 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 187 Quốc lộ B, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (chết) và bà Trương Thị G (theo Lý lịch cá nhân và Trích lục tiền án, tiền sự thì mẹ bị cáo tên là Trương Thị H3); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/6/2020, đến ngày 02/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Phạm Thị N; giới tính: nữ; sinh năm 1971 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Tổ D, Ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N5 và bà Lê Thị L; bị cáo có chồng và chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, đến ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Thị B; giới tính: nữ; sinh năm 1967 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: 3 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ may; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G1 (chết) và bà Nguyễn Thị N6 (chết); bị cáo có chồng và 02 con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/6/2020, đến ngày 02/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Thị Kim C; giới tính: nữ; sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký thường trú: 50A thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận; tạm trú: 185/2 T, Khu phố F, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ dệt; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh T3 và bà Nguyễn Thị M1; bị cáo có chồng và 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, đến ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8. Đỗ Thị Xuân M; giới tính: nữ; sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Không có Hộ khẩu thường trú; chỗ ở: 5 đường T,

phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T4 (chết) và bà Nguyễn Thị C2; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 12/5/1987, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân” (theo Bản án số: 30/STHS); Ngày 25/01/1991, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản của công dân” (theo Bản án số: 07/HSST); Ngày 08/6/1998, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (theo Bản án số: 1087/HSST).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, đến ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

9. Lê Văn C1; giới tính: nam; sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: C ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H4 (chết) và bà Nguyễn Thị Thanh H5; bị cáo có vợ và 03 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 23/12/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số: 121/ST-HS.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, đến ngày 14/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

10. Nguyễn Ngọc T1; giới tính: nam; sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 100/5Đ ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị Ánh T5, không rõ họ tên cha; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/6/2020, đến ngày 02/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

11. Nguyễn Đình H2; giới tính: nam; sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: B ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C Tổ A, ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T6 (chết) và bà Nguyễn Thị N7; bị cáo có vợ và 03 con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/6/2020, đến ngày 02/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

12. Lê Ngọc N1; giới tính: nữ; sinh năm 1988 tại tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T7 và bà Nguyễn Thị O; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng (đã ly hôn) và có con (sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, đến ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Bùi Đức M2; sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh Q và bà Nguyễn Thị Ánh T8; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (bị cáo vắng mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn H6; sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: D ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 1 ấp Đ, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T9 và bà Phạm Thị Hồng D1; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020, ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến ngày 05/3/2022 bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác (bị cáo vắng mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn V; sinh năm 1972 tại tỉnh Lào Cai; nơi đăng ký thường trú: SS1A Hồ N, Cư xá B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Giáy; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T10 và bà Nông Thị P1 (chết); bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (bị cáo vắng mặt tại phiên tòa).

4. Trần Văn T11; sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: I V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C3 và bà Vũ Thị C4; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (bị cáo vắng mặt tại phiên tòa).

5. Lê Văn T12 V1; sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: E ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 5 ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tuấn D2 và bà Danh Thị P2; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự:

không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (bị cáo vắng mặt tại phiên tòa).

6. Đặng Thị H7; sinh năm 1971 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: 2 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T13 (chết) và bà Phan Thị D3; bị cáo có chồng và 02 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù nhưng hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm” theo Bản án số: 2252/HSST ngày 07/11/1998; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quý H gặp Minh L1 (không rõ lai lịch) bàn bạc, thống nhất về việc Minh L1 sẽ cung cấp tài khoản từ nhà cái tại trang mạng đá gà và tài xỉu trực tuyến có tên miền www.LVG788.com www.s1288.net hệ thống tên miền quốc tế để Trần Quý H đứng ra tổ chức đánh bạc thắng thua với các con bạc. Theo đó Trần Quý H sẽ được hưởng 10% trên số tiền đánh bạc tại sòng đá gà và hưởng toàn bộ tiền đánh bạc các ván thắng “Bão” tại sòng tài xỉu (tức là nhà cái lác được 03 hột xí ngẫu có mặt số giống nhau và thắng hết tiền đặt cược của các con bạc). Ngoài ra H và Minh L1 còn thỏa thuận về việc nâng giá trị của 01 điểm cá cược từ 30.000 đồng lên 50.000 đồng (nâng thêm 20.000 đồng/01 điểm) và trong đó H chịu trách nhiệm thắng thua 40% của giá trị cá cược nâng thêm, Minh L1 chịu trách nhiệm thắng thua 60% của giá trị cá cược nâng thêm.

Trần Quý H thuê mặt bằng tại địa chỉ: 4 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trần Thị B1 đứng tên chủ sở hữu, phía trước kinh doanh cà phê vông, phía sau tổ chức sòng bạc dưới hình thức đá gà và tài xỉu qua mạng. Trần Quý H trang bị gồm 03 màn hình ti vi, 03 bộ C6 máy tính kết nối mạng internet, 01 bàn gỗ, 01 tấm bảng bằng gỗ ghi 02 chữ tài - xỉu để tổ chức đánh bạc. Đồng thời, Quý H thuê Nguyễn Thanh T trông coi máy tài xỉu và thuê Bùi Đức M2 trông coi máy đá gà với mức lương 8.000.000 đồng/tháng/người để nạp tiền, chung tiền thắng thua cho các con bạc.

Hàng ngày, Minh L1 sẽ cho người tên T14 (không rõ lai lịch) mang số tiền 20.000.000 đồng đến để đưa cho Bùi Đức M2 và Nguyễn Thanh T dùng làm tiền chung chi cho các con bạc, nhưng Bùi Đức M2 và Nguyễn Thanh T không biết Minh L1 là ai và không biết thỏa thuận tiền ăn chia, thắng thua giữa Trần Quý H với Minh L1 như thế nào. Sòng bạc bắt đầu hoạt động từ ngày 12/6/2020, mỗi ngày từ 11 giờ 00 sáng đến khoảng 01 - 02 giờ sáng ngày hôm sau, tuy nhiên do sòng bạc hoạt động 11 ngày thì bị bắt quả tang nên Trần Quý H chưa thu lợi bất chính. Về phía Bùi Đức M2 đã được Trần Quý H trả trước 4.000.000 đồng tiền

công, còn Nguyễn Thanh T chưa nhận tiền công. Hình thức chơi tài xỉu và chơi đá gà qua mạng như sau:

Đối với hình thức chơi tài xỉu: Trên màn hình tivi có các con số được quy ước dưới 11 là xỉu, từ 11 đến 15 là tài, người tham gia đánh bạc sẽ chọn xỉu hoặc tài, khi máy tự động lắc và hiện ra kết quả để ăn thua, có 01 tấm bảng ghi 02 chữ tài - xỉu được đặt trên bàn gỗ, người tham gia đánh bạc đặt tiền trên đó, thấp nhất là 50.000 đồng được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, cao nhất là 1.000.000 đồng tương đương 20 điểm. Khi có kết quả thắng thua thì Nguyễn Thanh T trực tiếp chung chi tiền với người tham gia đánh bạc.

Đối với hình thức đá gà: Trên màn hình tivi có 02 con gà xanh và đỏ, người tham gia đánh bạc căn cứ vào tỉ lệ cá cược của 02 con gà trên, chọn con nào thì đặt cược và báo cho Bùi Đức M2 biết để nhân số tiền trên màn hình, thấp nhất là 50.000 đồng thì Bùi Đức M2 bấm trên máy tương đương 01 điểm. Khi có kết quả thắng thua thì Bùi Đức M2 trực tiếp chung chi tiền với người tham gia đánh bạc.

Vào lúc 23 giờ 15 phút ngày 23/6/2020, Công an xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn kiểm tra tại địa chỉ: 4 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và phát hiện, bắt quả tang có 02 sòng bạc đang đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức tài xỉu và đá gà qua mạng do Trần Quý H tổ chức. Thu giữ tại chiếu bạc tài xỉu qua mạng với tổng số tiền 34.400.000 đồng và thu giữ tại chiếu bạc đá gà qua mạng với tổng số tiền 52.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Đối với sòng tài xỉu khi bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 34.400.000 đồng cùng với 13 người tham gia đánh bạc gồm:

1/ Nguyễn Thị B mang theo 485.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 5, 6 ván, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng và thua 250.000 đồng. Ván cuối đặt cược 50.000 đồng ở ô tài được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 235.000 đồng.

2/ Nguyễn Thị Kim C mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván, mỗi ván đặt cược 100.000 đồng và đều thua. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở ô xỉu được Nguyễn Thanh T nạp 02 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

3/ Nguyễn Văn H6 mang theo 450.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 03 ván, mỗi ván đặt cược 100.000 đồng và đều thua. Ván cuối đặt cược 150.000 đồng ở ô tài được Nguyễn Thanh T nạp 03 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

4/ Nguyễn Thị Hồng N8 mang theo 115.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 01 ván, đặt cược 50.000 đồng và thua. Ván cuối đặt cược 50.000 đồng ở ô xỉu được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 15.000 đồng.

5/ Đỗ Thị Xuân M mang theo 850.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở ô xỉu được Nguyễn Thanh T nạp 02 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

6/ Lê Văn C1 mang theo 400.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 02 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

7/ Nguyễn Ngọc T1 mang theo 394.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 02 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 44.000 đồng.

8/ Trần Văn V mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 50.000 đồng ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

9/ Trần Văn T11 mang theo 415.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 15.000 đồng.

10/ Lê Văn T12 V1 mang theo 100.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 02 ván. Ván cuối đặt cược 50.000 đồng ở ô tài được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

11/ Đặng Thị H7 mang theo 500.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 50.000 đồng ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

12/ Nguyễn Đình H2 mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 03 ván. Ván cuối đặt cược 50.000 đồng ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

13/ Lê Ngọc N1 mang theo 50.000 đồng để đánh bạc, đặt cược ở ô xiù được Nguyễn Thanh T nạp 01 điểm, chưa kịp chung thắng thua thì bị bắt quả tang.

Đối với sòng đá gà đã bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 52.000.000 đồng cùng với 03 người tham gia đánh bạc gồm:

1/ Lê Vĩnh P mang theo 300.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 02 ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở con gà đỏ được Bùi Đức M2 nạp 02 điểm thì bị thua, đồng thời bị bắt quả tang.

2/ Lê Tiến H1 mang theo 900.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia nhiều ván và đều thua. Ván cuối đặt cược 100.000 đồng ở con gà đỏ được Bùi Đức M2 nạp 02 điểm thì bị thua, đồng thời bị bắt quả tang.

3/ Phạm Thị N mang theo 1.500.000 đồng để đánh bạc, đã tham gia 07 ván. Ván cuối đặt cược 300.000 đồng ở con gà đỏ được Bùi Đức M2 nạp 06 điểm thì bị thua, đồng thời bị bắt quả tang và bị thu giữ số tiền 150.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền thu của hai sòng bạc (tài xiù, đá gà) là 86.400.000 đồng nên xác định số tiền mà Trần Quý H tham gia đánh bạc là $86.400.000 \text{ đồng} \times 40\% = 34.560.000 \text{ đồng}$, số tiền còn lại 51.840.000 đồng ($86.400.000 \text{ đồng} - 34.560.000 \text{ đồng} = 51.840.000 \text{ đồng}$) là số tiền liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc.

Ngày 13/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn ban hành Cáo trạng số 81/CT-VKS-HS truy tố Trần Quý H phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”; Bùi Đức M2, Nguyễn Thanh T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn H6, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2, Đặng Thị H7, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1 và Nguyễn Thị Hồng N8 phạm tội “Đánh bạc”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Thị Hồng N8 đã chết vào ngày 13/12/2021, Toà án nhân dân huyện Hóc Môn đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với Nguyễn Thị Hồng N8.

Ngày 09/06/2022, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đưa vụ án ra xét xử và tuyên án theo bản án hình sự sơ thẩm số 109/2022/HS-ST như sau:

1) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 322, điểm b, c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Quý H 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt chung bị cáo Trần Quý H phải chấp hành là 12 (Mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

2) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Đức M2 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

3) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

4) Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh P 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

5) Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Tiến H1 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 02/7/2020.

6) Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

7) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 02/7/2020.

8) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim C 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

9) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

10) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Xuân M 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

11) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C1 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 20/11/2020.

12) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 02/7/2020.

13) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn V 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

14) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T11 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

15) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Tuấn V2 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

16) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị H7 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/6/2020.

17) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H2 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 02/7/2020.

18) Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N1 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, trong các ngày 13, 14, 15 và 16/6/2022, bị cáo Phạm Thị N, bị cáo Nguyễn Thị Kim C, bị cáo Lê Văn C1, bị cáo Nguyễn Ngọc T1, bị cáo Lê Hữu P3, bị cáo Nguyễn Thị B, bị cáo Nguyễn Đình H2, bị cáo Lê Tiến H1, bị cáo Đỗ Thị Xuân M và bị cáo Lê Ngọc N1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Trần Quý H, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng các bị cáo Bùi Đức M2, Nguyễn Văn H6, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2 và Đặng Thị H7 không có kháng cáo và cũng không bị kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Các bị cáo khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã xét xử và các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Quý H về tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 322; điểm b, c khoản 2 Điều 321; các bị cáo Bùi Đức M2, Nguyễn Thanh T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 322; các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N về tội “Đánh bạc” theo điểm b, c khoản 2 Điều 321; các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn H6, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2, Đặng Thị H7, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1 và Nguyễn Thị Hồng N8 về tội “Đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, có trình độ học vấn thấp, có con nhỏ nên mức án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo là có phần quá nghiêm khắc cụ thể:

Đối với các bị cáo phạm tội Tổ chức đánh bạc:

Các bị cáo Trần Quý H, Bùi Đức M2, Nguyễn Thanh T thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng; bị cáo M2 và bị cáo T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Quý H nhưng bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Quý H 08 năm tù, Bùi Đức M2 07 năm 06 tháng tù, bị cáo Nguyễn Thanh T 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” là quá nghiêm khắc.

Đối với các bị cáo phạm tội Đánh bạc:

- Bị cáo Trần Quý H phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền các con bạc đánh bạc là 86.859.000 đồng lớn hơn mức khởi điểm của khung hình phạt không nhiều (mức khởi điểm 50.000.000 đồng), bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng. Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù (so với mức khởi điểm của khung hình phạt là 03 năm tù) là quá nghiêm khắc, tổng hợp hình phạt 2 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 12 năm 06 tháng tù là không tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, chưa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

- Đối với 15 bị cáo phạm tội đánh bạc gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn H6, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2, Đặng Thị H7, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1, Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1 và Phạm Thị N: mặc dù các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”, nhưng xét thấy các bị cáo đều phạm tội ở mức độ thấp do số tiền mà mỗi bị cáo dùng để đánh bạc vào ngày 23/6/2020 là nhỏ so với định lượng về tội “Đánh bạc” (so với 5.000.000 đồng), cụ thể: bị cáo

B mang theo 485.000 đồng, bị cáo C mang theo 1.000.000 đồng, bị cáo H6 mang theo 450.000 đồng, bị cáo M mang theo 850.000 đồng, bị cáo C1 mang theo 450.000 đồng, bị cáo T1 mang theo 394.000 đồng, bị cáo V mang theo 500.000 đồng, bị cáo T11 mang theo 415.000 đồng, bị cáo V2 mang theo 100.000 đồng, bị cáo H7 mang theo 500.000 đồng, bị cáo Đình H2 mang theo 200.000 đồng, bị cáo N1 mang theo 50.000 đồng, bị cáo P mang theo 300.000 đồng, bị cáo H1 mang theo 900.000 đồng, bị cáo N mang theo 1.500.000 đồng, nên mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là nặng so với hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1, Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N, Nguyễn Ngọc T1 kháng cáo xin hưởng án treo, nhận thấy: Các bị cáo không có tiền án tiền sự, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Riêng bị cáo Lê Tiến H1 có anh ruột là liệt sĩ, bị cáo Nguyễn Ngọc T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang nuôi con bị bại não (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo Trần Văn T11 và Nguyễn Đình H2 có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo Lê Ngọc N1 có cha ruột là người có công với cách mạng. Xét thấy số tiền các bị cáo đánh bạc không lớn (như đã nêu trên) và mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đồng thời các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình tại ngoại điều tra không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo này được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng đối với các bị cáo, do đó kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Riêng đối với Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ và số tiền đánh bạc là nhỏ so với định lượng về tội Đánh bạc nhưng các bị cáo M, bị cáo C1 có nhân thân xấu nên cần phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo, do đó kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên xét thấy mức hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo M, 03 năm 09 tháng tù là nghiêm khắc so với hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị giảm nhẹ cho 2 bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 06 bị cáo không kháng cáo gồm Bùi Đức M2, Đặng Thị H7, Nguyễn Văn H6, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2, nhận thấy các bị cáo này phạm tội “Đánh bạc” ở mức độ thấp, số tiền mà mỗi bị cáo dùng để đánh bạc vào là nhỏ so với định lượng về tội đánh bạc, nhưng bị cáo H7 có nhân thân xấu (đã bị xét xử 03 năm tù về tội “Chứa mại dâm”), bị cáo H6 trong thời gian tại ngoại lại phạm tội mới nên đề nghị giảm một phần hình phạt cho 2 bị cáo nhưng vẫn ở mức trong khung hình phạt. Còn các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên nên cũng đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Bùi Đức M2, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án tiền sự và nhận thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo (07 năm 06 tháng tù) là quá nghiêm khắc, xét vai trò bị cáo

M2 tham gia là đồng phạm giúp sức bị cáo H2 có vai trò tương tự bị cáo T nên mức hình phạt ngang nhau với bị cáo T là phù hợp. Do đó đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên:

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Quý H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1, Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N, Nguyễn Ngọc T1; Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Tuyên phạt bị cáo Trần Quý H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo chấp hành hình phạt cả hai tội theo quy định của pháp luật.

+ Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức hình phạt 05 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

+ Tuyên phạt bị cáo Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1 mỗi bị cáo 03 năm tù về tội đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1, Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N, Nguyễn Ngọc T1 mỗi bị cáo 03 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm;

+ Tuyên phạt bị cáo Đặng Thị H7, Nguyễn Văn H6 mỗi bị cáo 03 năm tù về tội đánh bạc.

+ Tuyên phạt các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2 mức hình phạt 03 năm tù về tội đánh bạc.

+Tuyên phạt bị cáo Bùi Văn M3 mức hình phạt 05 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các ý kiến, quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm giải quyết vụ án đúng pháp luật.

- Bị cáo Trần Quý H và bị cáo Nguyễn Thanh T xin mức án thấp để có điều kiện làm lại cuộc đời, các bị cáo còn lại cho rằng bản thân chỉ tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ, nay xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trần Quý H gặp Minh L1 (không rõ lai lịch) bàn bạc, thống nhất về việc Minh L1 sẽ cung cấp tài khoản từ nhà cái tại trang mạng đá gà và tài xỉu trực tuyến có tên miền www.LVG788.com www.s1288.net hệ thống tên miền quốc tế để Trần Quý H đứng ra tổ chức đánh bạc thắng thua với các con bạc. Theo đó Trần Quý H sẽ được hưởng 10% trên số tiền đánh bạc tại sòng đá gà và hưởng toàn bộ tiền đánh bạc các ván thắng “Bão” tại sòng tài xỉu (tức là nhà cái lắc được 03 hột xí ngầu có mặt số giống nhau và thắng hết tiền đặt cược của các con bạc). Ngoài ra H và Minh L1 còn thỏa thuận về việc nâng giá trị của 01 điểm cá cược từ 30.000 đồng lên 50.000 đồng (nâng thêm 20.000 đồng/01 điểm) và trong đó H chịu trách nhiệm thắng thua 40% của giá trị cá cược nâng thêm, Minh L1 chịu trách nhiệm thắng thua 60% của giá trị cá cược nâng thêm.

Trần Quý H thuê mặt bằng tại địa chỉ: 4 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Trần Thị B1 đứng tên chủ sở hữu, phía trước kinh doanh cà phê vông, phía sau tổ chức sòng bạc dưới hình thức đá gà và tài xỉu qua mạng. Trần Quý H trang bị gồm 03 màn hình ti vi, 03 bộ C6 máy tính kết nối mạng internet, 01 bàn gỗ, 01 tấm bảng bằng gỗ ghi 02 chữ tài - xỉu để tổ chức đánh bạc. Đồng thời, H thuê Nguyễn Thanh T trông coi máy tài xỉu và thuê Bùi Đức M2 trông coi máy đá gà với mức lương 8.000.000 đồng/tháng/người để nạp tiền, chung tiền thắng thua cho các con bạc.

Vào lúc 23 giờ 15 phút ngày 23/6/2020, Công an xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn kiểm tra tại địa chỉ: 4 ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và phát hiện, bắt quả tang có 02 sòng bạc đang đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức tài xỉu và đá gà qua mạng do Trần Quý H tổ chức. Thu giữ tại chiếu bạc tài xỉu qua mạng tổng số tiền 34.400.000 đồng gồm có 13 người chơi (Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn H6, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2, Đặng Thị H7, Nguyễn Đình H2, Lê Ngọc N1 và Nguyễn Thị Hồng N8) và thu giữ tại chiếu bạc đá gà qua mạng tổng số tiền 52.000.000 đồng gồm có 03 người chơi (Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1 và Phạm Thị N).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Thị Hồng N8 đã chết vào ngày 13/12/2021, Toà án nhân dân huyện Hóc Môn đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với Nguyễn Thị Hồng N8.

Như vậy số tiền mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” cụ thể như sau: mặc dù số tiền mà 15 bị cáo (M, C1, B, C, H6, T1, V, T11, V2, H7, Đình H2, N1, P, H1 và N) dùng để đánh bạc vào ngày 23/6/2020 là dưới 5.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc tài xỉu, đá gà lại trên 5.000.000 đồng nên các bị cáo cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền thu trên chiếu bạc mà các bị cáo đã tham gia như đã nêu trên. Riêng Trần Quý H ngoài hành vi tổ chức đánh bạc thì Quý H còn tham gia đánh bạc bằng cách nâng giá trị của 01 điểm cá cược từ 30.000 đồng lên 50.000 đồng (nâng thêm 20.000 đồng/điểm = 40%) nên số tiền mà Quý Hiệp phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc là 34.560.000 đồng (86.400.000 đồng x 40% = 34.560.000

đồng), số tiền còn lại 51.840.000 đồng (86.400.000 đồng - 34.560.000 đồng = 51.840.000 đồng) là số tiền liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt các bị cáo Trần Quý H phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bùi Đức M2 và Nguyễn Thanh T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Lê Vĩnh P, Lê Tiến H1, Phạm Thị N phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Văn H6, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Nguyễn Ngọc T1, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2, Đặng Thị H7, Nguyễn Đình H2 và Lê Ngọc N1 phạm tội “Đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, trong các ngày 13, 14, 15 và 16/6/2022, bị cáo Phạm Thị N, bị cáo Nguyễn Thị Kim C, bị cáo Lê Văn C1, bị cáo Nguyễn Ngọc T1, bị cáo Lê Hữu P3, bị cáo Lê Hữu P3, bị cáo Nguyễn Thị B, bị cáo Nguyễn Đình H2, bị cáo Lê Tiến H1, bị cáo Đỗ Thị Xuân M và bị cáo Lê Ngọc N1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Trần Quý H, bị cáo Nguyễn Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng các bị cáo Bùi Đức M2, Nguyễn Văn H6, Trần Văn V, Trần Văn T11, Lê Văn Tuấn V2 và Đặng Thị H7 không có kháng cáo và cũng không bị kháng nghị. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Trong vụ án này ngoài việc xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm còn xem xét thêm các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Nguyễn Quý H ngoài phạm tội “Tổ chức đánh bạc” thì bị cáo còn có hành vi đánh bạc với số tiền là 34.560.000 đồng như đã nêu trên, nên bị cáo Quý H phạm thêm tội “Đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015.

Hành vi của các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” là rất nguy hiểm cho xã hội và hành vi của các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trị an, an toàn xã hội, là mầm mống gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần có mức án nghiêm đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

+ Đối với các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”: Bị cáo Trần Quý H là người chủ mưu, khởi xướng, có hành vi thuê địa điểm, mua, lắp đặt trang thiết bị kết nối mạng internet và thuê các bị cáo Nguyễn Thanh T, Bùi Đức M2 giúp sức để tổ chức đánh bạc với các con bạc qua trang mạng tài xỉu và đá gà trực tuyến, nhưng giữa các bị cáo này (H, T, M2) không có sự câu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên trường hợp nay là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo H giữ vai trò cao nhất, còn bị cáo T và bị cáo M2 là người giúp sức cho bị cáo H nên có vai trò thấp hơn bị cáo H, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo (H, T, M2).

+ Đối với 15 bị cáo phạm tội “Đánh bạc” (M, C1, B, C, H6, T1, V, T11, V2, H7, Đinh H2, N1, P3, H1 và N): Xét thấy số tiền mà mỗi bị cáo dùng để đánh bạc vào ngày 23/6/2020 là dưới 5.000.000 đồng nhưng tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc tài xỉu, đá gà lại trên 5.000.000 đồng nên các bị cáo cùng chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền thu trên chiếu bạc mà các bị cáo đã tham gia. Tuy vậy Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tình tiết này khi lượng hình đối với các bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

+ Đối với bị cáo Trần Quý H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt 08 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 04 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 12 năm 06 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Bùi Đức M2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

+ Đối với các bị cáo P3, H1, N, B, C, H6, M, C1, T1, V, T11, V2, H7, H, N1 chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết này là giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo. Riêng bị cáo H1 có anh ruột là liệt sỹ (có xác nhận của UBND xã T), bị cáo T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang nuôi con bị bệnh bại não (có xác nhận của UBND xã X), bị cáo T11 có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của UBND xã P4), bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của UBND xã T), bị

cáo N1 có cha ruột là người có công với cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và Tòa án cấp sơ thẩm đã cho các bị cáo này (H1, T1, T11, H, N1) được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra các bị cáo dưới đây có nhân thân xấu hoặc có hành vi phạm tội trong thời gian tại ngoại cũng được Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận trong bản án, đó là: bị cáo M, bị cáo C1, bị cáo H7 đều có nhân thân xấu và bị cáo H6 trong thời gian tại ngoại lại có hành vi phạm tội mới nên đã bị tạm giam trong vụ án mới. Với hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo như đã nêu ở trên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã xử phạt: bị cáo M 04 năm tù; các bị cáo P3, H1, N, C5, H7 cùng 03 năm 09 tháng tù; bị cáo H6 03 năm 06 tháng tù; các bị cáo B, C, V, V2, H cùng 03 năm 03 tháng tù; các bị cáo T1, T11, N1 cùng 03 năm tù.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Phạm Thị N, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị B, Lê Vĩnh P, Nguyễn Đình H2 và Lê Tiến H1 có nộp đơn xin tự nguyện nộp án phí sơ thẩm, do bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa thể giải quyết theo nguyện vọng của các bị cáo nhưng qua tình tiết này Hội đồng xét xử xét có thêm căn cứ đánh giá các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối lỗi.

Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù các bị cáo không xuất trình thêm tình tiết gì mới để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng với hành vi phạm tội, vai trò, tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh nhân thân của các bị cáo như đã nêu ở trên thì mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có phần quá nghiêm khắc. Do đó Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc (tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh, nhân thân, tính chất, vai trò phạm tội, mức độ phạm tội) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

- Đối với bị cáo Trần Quý H phạm 02 tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và vai trò như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt nhưng vẫn nằm trong khung hình phạt quy định cũng đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Bùi Đức M2 (không kháng cáo) phạm tội với vai trò giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và nhân thân tốt như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để cho 02 bị cáo này được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định cũng đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với các bị cáo có kháng cáo (gồm M, C1, P, H1, N, Bé, C, Đ, T1, N1): Tất cả các bị cáo này đều phạm tội ở mức độ thấp, đó là số tiền mỗi bị cáo mang theo để tham gia đánh bạc là nhỏ so với định lượng về tội “Đánh bạc”, cụ thể bị cáo M mang theo 850.000 đồng, bị cáo C1 mang theo 400.000 đồng, bị cáo P mang theo 300.000 đồng, bị cáo H1 mang theo 900.000 đồng, bị cáo N mang theo 1.500.000 đồng, bị cáo B mang theo 485.000 đồng, bị cáo C mang theo 1.000.000 đồng, bị cáo H mang theo 200.000 đồng, bị cáo T1 mang theo 394.000 đồng, bị cáo N1 mang theo 50.000 đồng và các bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn như đã nêu trên, do đó cần giảm nhẹ

một phần hình phạt cho tất cả các bị cáo trong đó có áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ thêm cho các bị cáo B, C, T1, H và N1.

- Về yêu cầu xin được hưởng án treo: Xét thấy, các bị cáo N, C, T1, P, B, Đình H2, H1 và N1 có nơi cư trú rõ ràng và nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử cân nhắc, không cần cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Điều này cũng phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa. Còn đối với các bị cáo M, C1 mặc dù có nhân thân xấu nhưng vụ việc đó xảy ra đã lâu gần 22 năm và trong vụ án này các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo M đã lớn tuổi (gần 60 tuổi), số tiền mang đi đánh bạc là nhỏ so với định lượng như đã nêu ở trên và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử hết sức cân nhắc và quyết định không cần cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

- Ngoài ra đối với 05 bị cáo không có kháng cáo (H7, H6, V, T11 và V2): phạm tội ở mức độ thấp, số tiền mỗi bị cáo mang đi để tham gia đánh bạc là nhỏ so với định lượng về tội “Đánh bạc”, đó là: bị cáo H7 mang theo 500.000 đồng, bị cáo H6 mang theo 450.000 đồng, bị cáo V mang theo 500.000 đồng, bị cáo T11 mang theo 415.000 đồng, bị cáo V2 mang theo 100.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H7 do có nhân thân xấu, bị cáo H6 trong thời gian tại ngoại lại phạm tội mới nên chỉ giảm mức hình phạt cho các bị cáo H7, H6 nhưng vẫn trong khung hình phạt; còn các bị cáo V, T11, V2 có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên và thời gian tạm giam đến nay cũng đã dài (gần 02 năm 04 tháng) nên cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Điều này cũng phù hợp với một phần lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Từ những phân tích đã nêu, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo: Quý Hiệp, M2, T, H7, H6, V, T11 và V2; giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo M, C1, N, C, T1, P, B, H2, H1, N1 và cho các bị cáo M, C1, N, C, T1, P, B, Đình H2, H1, N1 được hưởng án treo.

[4] Về thời hạn tù đối với Nguyễn Văn H6: H6 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn thành Cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng trong thời gian tại ngoại H6 lại phạm tội mới và bị bắt tạm giam trong vụ án mới này nên thời hạn tù của bản án này được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020. Riêng thời gian tạm giam H6 trong vụ án mới sẽ được xử lý khi giải quyết vụ án đó.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trần Quý H, Nguyễn Thanh T, Đỗ Thị Xuân M, Lê Văn C1, Phạm Thị N, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Ngọc T1, Lê Hữu P3, Nguyễn Thị B, Nguyễn Đình H2, Lê Tiến H1 và Lê Ngọc N1 và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Trần Quý H** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, Trần Quý H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Bùi Đức M2** 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Thanh T** 04 (bốn) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

5. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Văn H6** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2020 đến ngày 19/9/2020.

6. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị H7** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

7. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn V** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

8. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T11** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

9. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn Tuấn V2** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/6/2020.

10. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Đỗ Thị Xuân M** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Đỗ Thị Xuân M cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

11. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Lê Văn C1** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo Lê Văn C1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

12. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Lê Vĩnh P** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

13. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Tiến H1** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

14. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Phạm Thị N** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

15. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Thị B** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

16. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Thị Kim C** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

17. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Ngọc T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

18. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Nguyễn Đình H2** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

19. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: **Lê Ngọc N1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 28/9/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

20. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo được hưởng án treo)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (18)
- Trại giam; (8)
- THA huyện Hóc Môn; (2)
- TAND huyện Hóc Môn; (2)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (18)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (60) (3)

Ngô Ngọc Thắng